

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TX GÒ CÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/DSST

Ngày: 16/5/2022

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TXGC, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đăng Khoa

2. Bà Bùi Thu Hảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân TXGC;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TXGC, không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại Tòa án nhân dân TXGC, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2022/TLST-DS, ngày 05/01/2022, về việc tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2022/QĐXXST- DS, ngày 20 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Tr, sinh năm: 1955.

Địa chỉ: Ấp B, xã BX, TXGC, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Ngô Trung H, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Ấp GX, xã TT, TXGC, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* 1) Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1983;

2) Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1980;

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã BX, TXGC, tỉnh Tiền Giang.

(Anh H, bà H có mặt; bà L xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn là bà Trần Thị Tr trình bày:**

Ngày 19/4/2020 âm lịch (nhằm ngày 11/5/2020 dương lịch). Bà H và bà L có vay của bà Tr số tiền 50.000.000 đồng. Khi vay, có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, không hện cụ thể thời gian trả vốn, nhưng có thỏa thuận khi bà lấy lại tiền, thì thông báo trước 01 tháng. Việc vay tiền có làm “Giấy mượn tiền để mua bán”, ngày 19/4/2020 âm lịch.

Sau khi vay, bà H và bà L có trả lãi được đến tháng 10/2020 dương lịch (là 04 tháng) thì ngưng trả lãi, chưa trả vốn.

Tại phiên tòa, anh H yêu cầu bà H và bà L cùng có nghĩa vụ trả cho bà Tr số tiền vay còn nợ vốn là 50.000.000đ và 19 tháng tiền lãi (từ tháng 11/2020 dương lịch, đến tháng 5/2022 dương lịch), với lãi suất 1,66%/tháng, thành tiền lãi là 15.770.000 đồng; tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 65.770.000 đồng. Bà Tr yêu cầu trả làm 02 lần: Lần 1 trả 30.000.000 đồng vào ngày 16/6/2022. Lần 2 trả 35.770.000 đồng vào ngày 30/12/2022.

*** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:**

Tôi có vay 50.000.000đ của bà Tr vào ngày 19/4/2020 âm lịch. Khi vay có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng và khi bà Tr muốn lấy lại tiền cho vay thì báo trước 01 tháng. Tôi và chị L có ký tên vào “*Giấy mượn tiền để mua bán*” ngày 19/4/2020 âm lịch. Trong “*Giấy mượn tiền để mua bán*” có ghi bà Nguyễn Thị L cùng vay tiền nhưng thực tế tôi là người nhận tiền và sử dụng tiền vay. Bà L ký tên vào biên nhận là do bà Tr yêu cầu bà L phải cùng ký tên nhận vay tiền cùng tôi thì bà Tr mới cho tôi vay tiền. Do bà L không sử dụng tiền vay nên tôi không đồng ý việc bà Tr yêu cầu bà L cùng tôi trả tiền. Tôi đồng ý trả cho bà Tr 50.000.000 đồng vốn và 19 tháng tiền lãi là 15.770.000 đồng. Do hoàn cảnh kinh tế đang gặp khó khăn nên xin trả làm 3 lần, lần trả sau cùng vào tháng 12/2023.

*** Tại bản tự khai ngày 06 tháng 4 năm 2022, bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:**

Năm 2020, bà H cần tiền để làm ăn nên vay tiền của bà Tr. Do bà Tr kèm điều kiện nếu tôi cùng đứng tên vay tiền với bà H thì bà Tr mới cho vay. Do đó, tôi có ký tên vào “*Giấy mượn tiền để mua bán*” ngày 19/4/2020 âm lịch cùng với bà H. Sau khi bà H và tôi ký tên vào “*Giấy mượn tiền để mua bán*” ngày 19/4/2020 âm lịch thì bà Tr giao 50.000.000 đồng cho bà H nhận. Tôi không nhận tiền, không sử dụng tiền vay nên không đồng ý cùng bà H trả tiền cho bà Tr.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Quan hệ tranh chấp giữa bà Trần Thị Tr với bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự, theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị L xin vắng mặt. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vụ án vắng mặt bà L.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại phiên tòa, anh H yêu cầu bà H và bà L cùng có nghĩa vụ trả cho bà Tr số tiền vay còn nợ vốn là 50.000.000 đồng theo “*Giấy*

mượn tiền để mua bán” ngày 19/4/2020 âm lịch và 19 tháng tiền lãi là 15.770.000 đồng. Bà H đồng ý trả cho bà Tr tổng cộng tiền vốn, tiền lãi là 65.770.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của bà H nên ghi nhận.

Xét về nghĩa vụ trả nợ của bà L: Tại bản tự khai ngày 06/4/2022 của bà L và lời trình bày của bà H tại phiên tòa, bà L có cùng bà H thỏa thuận vay tiền của bà Tr. Bà L có ký tên vào “*Giấy mượn tiền để mua bán*” ngày 19/4/2020 âm lịch để vay của bà Tr 50.000.000 đồng, đến nay chưa trả. Do đó, bà L phải có nghĩa vụ cùng bà H trả tiền cho bà Tr mới là phù hợp.

Xét về yêu cầu trả tiền lãi: Anh H yêu cầu bà H và bà L cùng có nghĩa vụ trả cho bà Tr tiền lãi của số tiền 50.000.000 đồng trong thời gian 19 tháng (từ tháng 11/2020 dương lịch đến tháng 5/2022 dương lịch), với lãi suất 1,66%/tháng, thành tiền là 15.770.000 đồng. Xét thấy, theo “*Giấy mượn tiền để mua bán*” ngày 19/4/2020 âm lịch, các đương sự có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng. Tại phiên tòa, anh H yêu cầu bà H và bà L trả lãi tiếp từ ngày ngưng trả lãi là tháng 11/2020 dương lịch đến ngày xét xử là tháng 5/2022 dương lịch (19 tháng), với lãi suất 1,66%/tháng là phù hợp quy định pháp luật, không vượt quá mức lãi suất theo qui định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, bà H đồng ý trả cho bà Tr 19 tháng tiền lãi là 15.770.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của các đương sự, không trái quy định pháp luật nên buộc bà H và bà L phải có nghĩa vụ trả cho bà Tr 15.770.000 đồng tiền lãi.

Xét về thời gian trả: Tại phiên tòa, anh H đồng ý cho bà H và bà L trả cho bà Tr 65.770.000 đồng làm 02 lần: Lần 1 trả 30.000.000 đồng vào ngày 16/6/2022, lần 2 trả số còn lại 35.770.000 đồng vào ngày 31/12/2022. Bà H xin trả làm 3 lần, lần cuối trả vào tháng 12/2023. Xét thấy, theo *Giấy mượn tiền để mua bán*” ngày 19/4/2020 âm lịch, các đương sự thỏa thuận khi bà Tr muốn lấy lại tiền vay thì thông báo trước 01 tháng. Theo bà Tr thì đến tháng 8/2020 bà đã yêu cầu bà H và bà L trả tiền. Tại phiên tòa, bà H cho rằng do dịch bệnh, không lao động được nên không có tiền trả vốn, lãi cho bà Tr như thỏa thuận. Nay bà Tr cho trả tiền làm 02 lần là đã tạo điều kiện cho bà H, bà L trả nợ. Bà H xin trả lần cuối vào tháng 12/2023 là kéo dài thời gian trả nợ, làm thiệt thòi cho quyền lợi của bà Tr. Do đó, buộc bà H, bà L trả tiền cho bà Tr theo thời gian bà Tr yêu cầu.

Xét về án phí: Bà H và bà L có nghĩa vụ trả tiền cho bà Tr nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Bà Tr được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều luật áp dụng:

- Điều 463, Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 5, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Tr.
- Buộc bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị L cùng có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Tr số tiền vay còn nợ vốn và tiền lãi tổng cộng là 65.770.000 (*sáu mươi lăm triệu bảy trăm bảy mươi nghìn*) đồng. Thời gian trả làm 02 lần như sau:
 - + Lần 1: Ngày 16 tháng 6 năm 2022 trả 30.000.000 (*ba mươi triệu*) đồng.
 - + Lần 2: Ngày 30 tháng 12 năm 2022 trả 35.770.000 (*ba mươi triệu bảy trăm bảy mươi nghìn*) đồng.
- Về án phí:
 - + Bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị L cùng có nghĩa vụ nộp 3.288.500 (*ba triệu hai trăm tám mươi tám nghìn năm trăm*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đến hạn trả tiền, nếu bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị L không thực hiện việc trả tiền theo thời gian trên thì hàng tháng phải trả thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tòa án tổng đạt bản án hợp lệ.

**TM. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND TXGC;
- THA DS TXGC;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

NGUYỄN THỊ HOÀNG NHI